TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-ST
Ngày 21-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nam.

2. Bà Mai Thị Nhặc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa****:* Bà Huỳnh Thị Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Lê Q, sinh năm: 1993 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Số 53, khu phố 6, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh T, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị P, sinh năm 1974, có vợ và 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/11/2020 đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

Anh Võ Thanh H (tên gọi khác: HM), sinh năm: 2000.

Nơi nơi trú: Khu phố 4, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Trần Văn N, sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1963.

Nơi nơi trú: Khu phố 7, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Lê Q là đối tượng sử dụng ma túy, vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 13/9/2020 Q điều khiển xe môtô biển kiểm soát 71B1-469.35 đến cầu Mỏ Cày gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, địa chỉ) giao cho Q hai gói ma túy loại Ketamine. Sau khi nhận ma túy, Q cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc trên người rồi điền khiển xe lưu thông trên Quốc lộ 60 đến quán L thuộc khu phố 7, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre để cùng sử dụng với Võ Thanh H thì bị Tổ tuần tra Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Bến Tre kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 02 gói nylong hàn kín ba cạnh, cạnh còn lại có rãnh bóp, viền màu xanh, bên trong gói nylong có chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy được niêm phong ký hiệu M; 01 xe môtô biển kiểm soát 71B1-469.35 nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu sơn: đỏ - đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số IMEI 359486081192328 gắn sim Viettel số thuê bao 0965423738.

Tại Bản kết luận giám định số 102/2020/GĐMT ngày 21/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 2.7045 gam. Mẫu vật sau giám định đã được niêm phong ký hiệu M có khối lượng 2.5440 gam.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSMCN ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Trần Lê Q về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng; người làm chứng Võ Thanh H, người chứng kiến ông Trần Văn N và ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Lê Q phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Lê Q từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho Trần Lê Q: Một điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số IMEI 359486081192328 gắn sim Viettel

số thuê bao 0965423738; trả cho Lê Thị Phượng: một xe môtô biển kiểm soát 71B1-469.35 nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu sơn: đỏ - đen.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 2.5440 gam loại Ketamine (đã niêm phong ký hiệu M).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người làm chứng và người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Lê Q thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 13/9/2020, trên Quốc lộ 60 thuộc khu phố 7, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre, Trần Lê Q có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý khối lượng 2.7045 gam, loại Ketamine.

(Ketamine là chất ma tuý nằm trong danh mục III, số thứ tự 35 của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Bản thân bị cáo Trần Lê Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo cất giữ 2.7045 gam (loại Ketamine) nhằm mục đích sử dụng đã vi phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất độc dược gây nghiện. Do đó, hành vi của bị cáo Q đã phạm vào "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, tinh thần, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia và là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Từ đó cho thấy, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Xét thấy, bản thân bị cáo không có thu nhập ổn định, chưa có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho Trần Lê Q: Một điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số IMEI 359486081192328 gắn sim Viettel số thuê bao 0965423738; trả cho Lê Thị Phượng: Một xe môtô biển kiểm soát 71B1-469.35 nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu sơn: đỏ - đen. Xét thấy, việc trả vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên ghi nhận.

Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 2.5440 gam, loại Ketamine (đã niêm phong ký hiệu M) là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí:

Bị cáo Trần Lê Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Lê Q phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Lê Q 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 2.5440 gam, loại Ketamine (đã niêm phong ký hiệu M).

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Lê Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn MC;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân